

Số: 1982/QĐ-UBND

Ninh Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Giang về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi ngân sách địa phương năm 2022 huyện Ninh Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 191/TTr-TCKH ngày 02/8/2023 về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách huyện Ninh Giang năm 2022 (Có biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

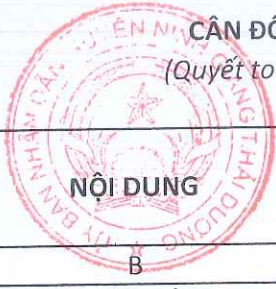
Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Như điều 3;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phan Nhật Thanh



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Tình hình thực hiện năm 2022	So sánh tình hình thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	791.653,0	1.264.541,3	159,7	108,8
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	282.669,0	382.392,6	135,3	88,0
-	Thu ngân sách hưởng 100%	4.540,0	21.298,6	469,1	108,7
-	Thu ngân sách hưởng từ các khoản thu phân chia	278.129,0	361.094,0	129,8	87,0
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	508.984,0	783.792,1	154,0	118,0
-	Thu bổ sung cân đối	446.834,0	504.377,0	112,9	100,5
-	Thu bổ sung có mục tiêu	62.150,0	279.415,1	449,6	172,0
3	Thu kết dư	-	410,0		4,4
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	97.946,6		179,8
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	791.653,0	1.259.670,8	159,1	108,4
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	729.789,0	833.405,2	114,2	99,4
1	Chi đầu tư phát triển	267.579,0	341.529,0	127,6	102,3
2	Chi thường xuyên	449.995,0	491.876,2	109,3	97,4
3	Dự phòng ngân sách	12.215,0	-	-	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		-		
II	Chi các chương trình mục tiêu	61.864,0	63.796,5	103,1	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	61.864,0	63.796,5	103,1	
III	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		229.270,5		101,6
1	Bổ sung cân đối				-
2	Bổ sung có mục tiêu				-
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		128.168,1		130,9
V	Chi nộp ngân sách cấp trên		5.030,5		

(Ghi chú: Số dự toán giao đầu năm không bao gồm các khoản giao thu tại đơn vị./.)

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Đính kèm QĐ số 198/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND huyện Ninh Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU	362.020,0	282.669,0	1.442.814,4	1.264.541,3	398,5	447,4
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI	362.020,0	282.669,0	555.635,1	382.392,6	153,5	135,3
I	Thu nội địa	362.020,0	282.669,0	552.453,0	379.210,5	152,6	134,2
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	-	-	1.554,5	-	-	-
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	160,0	11.404,0	1.053,4	421,4	658,4	3,7
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	41.250,5	-	-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	24.100,0	-	62.451,5	26.304,6	259,1	-
	- Thuế giá trị gia tăng	22.500,0	-	57.092,6	24.161,0	253,7	-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.600,0	-	5.350,9	2.140,4	334,4	-
	- Thuế tài nguyên	-	-	8,0	3,2	-	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.200,0	2.580,0	13.264,4	6.726,7	315,8	260,7
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
7	Lệ phí trước bạ	17.000,0	12.200,0	30.956,6	23.021,0	182,1	188,7
8	Thu phí, lệ phí	1.500,0	990,0	1.681,7	1.475,4	112,1	149,0
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	810,0	795,0	2.400,8	2.243,3	296,4	282,2
11	Tiền cho thuê đất, thuế mặt nước	750,0	700,0	8.123,7	4.281,6	1.083,2	611,7
12	Thu tiền sử dụng đất	300.000,0	249.000,0	368.591,2	298.840,0	122,9	120,0
13	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-

14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)	-	-	-	-	-	-	-
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-
16	Thu khác ngân sách	10.500,0	2.000,0	16.219,6	10.991,4	154,5	549,6	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.000,0	3.000,0	4.905,1	4.905,1	163,5	163,5	
II	Thu viện trợ	-	-	-	-	-	-	
III	Các khoản huy động, đóng góp	-	-	3.182,1	3.182,1	-	-	
B	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			788.822,7	783.792,1			
-	Thu bổ sung cân đối			504.377,0	504.377,0			
-	Thu bổ sung có mục tiêu			279.415,1	279.415,1			
C	Thu kết dư năm trước		-	410,0	410,0			
D	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		-	97.946,6	97.946,6			

(Ghi chú: Số dự toán giao đầu năm không bao gồm các khoản giao thu tại đơn vị./.)



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Đính kèm QĐ số / 08/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Ninh Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	791.653	643.440	148.213	1.259.670,8	888.428,6	371.242,2	159,1	138,1	250,5
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	729.789	581.576	148.213	830.890,2	477.454,4	353.435,8	113,9	82,1	238,5
I	Chi đầu tư phát triển	267.579	222.579	45.000	339.014,0	105.309,4	233.704,6	126,7	47,3	519,3
1	Chi đầu tư cho các dự án	249.000	204.000	45.000	288.697,8	86.830,4	201.867,4	115,9	42,6	448,6
	Trong đó chia theo các lĩnh vực:									
-	Chi cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-			89.915,3	525,4	89.389,9			
-	Chi khoa học và công nghệ	-								
	Trong đó chia theo nguồn vốn:									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	249.000	204.000	45.000	199.307,9	86.830,4	112.477,5	80,0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết									
2	Chi đầu tư phát triển khác	18.579	18.579		50.316,2	18.479,0	31.837,2	270,8		
II	Chi thường xuyên	449.995	348.771	101.224	491.876,2	372.145,0	119.731,2	109,3	106,7	118,3
	Trong đó:									
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	295.301	295.301		302.157,9	302.157,9		102,3	102,3	
	Chi khoa học và công nghệ									
III	Dự phòng ngân sách	12.215	10.226	1.989						
IV	Chi quản lý qua NS									
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	61.864	61.864	-	63.796,5	63.796,5	-	103,1	103,1	-



I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-								
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	61.864	61.864			63.796,5	63.796,5	103,1	103,1	
C	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI					229.270,5	229.270,5			
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-				128.168,1	110.361,7	17.806,4		
E	CHI NỢP CHO NGÂN SÁCH CẤP TRÊN					5.030,5	5.030,5			
F	CÁC KHOẢN GHI THU GHI CHI	-				2.515,0	2.515,0			

(Ghi chú: Số dự toán giao đầu năm không bao gồm các khoản giao thu tại đơn vị.) *LS*

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Đính kèm QĐ số 199/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Ninh Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	791.653,0	1.259.670,8	159,1
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-	229.270,5	
B	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC	729.789,0	830.890,2	113,9
	<i>Trong đó:</i>	-	-	
I	Chi đầu tư phát triển	267.579,0	339.014,0	126,7
1	Chi đầu tư cho các dự án	267.579,0	339.014,0	126,7
	<i>Trong đó:</i>	-	233.704,6	
1,1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	89.916,1	
1,2	Chi cho khoa học và công nghệ	-	-	
1,3	Chi y tế, dân số và gia đình	-	835,4	
1,4	Chi văn hóa thông tin	-	2.438,9	
1,5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	427,0	
1,6	Chi thể dục thể thao	-	-	
1,7	Chi bảo vệ môi trường	-	-	
1,8	Chi các hoạt động kinh tế	-	151.751,2	
1,9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-	88.913,1	
1,10	Chi bảo đảm xã hội	-	4.732,3	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	
II	Chi thường xuyên	449.995,0	491.876,2	109,3
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	295.671,0	302.527,9	102,3
2	Chi cho khoa học và công nghệ	-	-	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	743,0	743,0	100,0
4	Chi văn hóa - thể thao	3.571,0	3.980,5	111,5
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.992,0	2.033,4	102,1
6	Chi sự nghiệp môi trường, KTTT	530,0	525,1	99,1
7	Chi các hoạt động kinh tế	8.977,3	9.416,8	104,9
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	112.823,4	143.587,4	127,3
9	Chi bảo đảm xã hội	9.811,6	11.949,5	121,8
10	Chi quốc phòng, an ninh	5.692,7	12.794,8	224,8
11	Chi khác	8.194,0	4.317,8	52,7
III	Dự phòng ngân sách	12.215,0	-	-
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	
V	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-	-	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	128.168,1	
D	CHI BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN	61.864,0	63.796,5	103,1
E	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	5.030,5	
F	CÁC KHOẢN GHI THU GHI CHI	-	2.515,0	

(Ghi chú: Tổng chi ngân sách huyện không bao gồm khoản chi từ nguồn thu để tại đơn vị (học phí))

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)					Quyết toán					So sánh (%)						
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Khác	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Khác		
A	B	1	2			3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	420.861,0	-	420.861,0	-	-	435.941,5	-	435.941,5	-	-	-	-	-	1.642,9	103,6	103,6	
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	348.771,0	-	348.771,0	-	-	372.145,0	-	372.145,0	-	-	-	-	-	1.642,9	106,7	106,7	
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	6.261,0		6.261,0			11.074,1		11.074,1							176,9	176,9	
2	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	780,0		780,0			842,2		842,2							108,0	108,0	
3	Phòng Tư pháp	672,0		672,0			919,3		919,3							136,8	136,8	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.099,0		1.099,0			2.103,0		2.103,0							191,4	191,4	
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.258,0		1.258,0			1.652,5		1.652,5							131,4	131,4	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.644,0		1.644,0			2.452,6		2.452,6							149,2	149,2	
7	Phòng Y tế	418,0		418,0			489,8		489,8							117,2	117,2	
8	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.026,0		1.026,0			3.744,1		3.744,1						100,9	364,9	364,9	
9	Phòng Văn hóa và Thông tin	538,0		538,0			852,5		852,5							158,5	158,5	
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.092,0		1.092,0			1.611,0		1.611,0							147,5	147,5	
11	Phòng Nội vụ	799,0		799,0			2.731,7		2.731,7						708,2	341,9	341,9	
12	Thanh tra huyện	985,0		985,0			1.173,3		1.173,3							119,1	119,1	
13	Huyện ủy	9.221,0		9.221,0			12.164,2		12.164,2							131,9	131,9	
14	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện	1.012,0		1.012,0			1.266,0		1.266,0							125,1	125,1	
15	Huyện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	817,0		817,0			922,8		922,8							112,9	112,9	

16	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	887,0	887,0	914,1	914,1	-	-	-	103,1	103,1
17	Hội Nông dân huyện	942,0	942,0	1.122,0	1.122,0	-	-	-	119,1	119,1
18	Hội Cựu chiến binh huyện	646,0	646,0	842,0	842,0	-	-	-	130,3	130,3
19	Hội Chữ thập đỏ	376,0	376,0	376,2	376,2	-	-	-	100,1	100,1
20	Hội Người cao tuổi	98,0	98,0	143,3	143,3	-	-	-	146,2	146,2
21	Hội Người mù	489,0	489,0	509,1	509,1	-	-	-	104,1	104,1
22	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	98,0	98,0	108,0	108,0	-	-	-	110,2	110,2
23	Hội Cựu thanh niên xung phong	102,0	102,0	102,0	102,0	-	-	-	100,0	100,0
24	Hội Khuyến học	102,0	102,0	102,0	102,0	-	-	-	100,0	100,0
25	Đài Phát thanh	1.452,0	1.452,0	1.444,5	1.444,5	-	-	-	99,5	99,5
26	Trung tâm VH-TT	2.367,0	2.367,0	2.776,5	2.776,5	-	-	-	117,3	117,3
27	Hạt giao thông	3.585,0	3.585,0	3.380,2	3.380,2	-	-	-	94,3	94,3
28	Trung tâm Chính trị	2.264,0	2.264,0	2.013,4	2.013,4	-	-	-	88,9	88,9
29	Trung tâm DVNN huyện	1.130,0	1.130,0	3.633,2	3.633,2	-	-	-	321,5	321,5
30	Trung tâm GDNN-GDTX	5.969,0	5.969,0	6.148,2	6.148,2	-	-	82,6	103,0	103,0
31	Văn phòng ĐK QSD đất	226,0	226,0	107,1	107,1	-	-	-	47,4	47,4
32	Chi SN giáo dục	287.068,0	287.068,0	293.996,3	293.996,3	-	-	746,3	102,4	102,4
33	Chi An ninh	373,0	373,0	1.623,4	1.623,4	-	-	-	435,2	435,2
34	Chi Quốc phòng	373,0	373,0	2.410,5	2.410,5	-	-	-	646,2	646,2
35	Chi y tế	373,0	373,0	373,0	373,0	-	-	-	100,0	100,0
36	Chi SN đảm bảo xã hội	1.178,0	1.178,0	1.178,0	1.178,0	-	-	-	100,0	100,0
37	Chi TX khác	11.051,0	11.051,0	4.842,9	4.842,9	-	-	4,9	43,8	43,8
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	10.226,0	10.226,0	-	-	-	-	-	0,0	0,0
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)	61.864,0	61.864,0	63.796,5	63.796,5	-	-	-	103,1	103,1
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-	-	-	-	-	-	-	-	-



Key

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán				Quyết toán								So sánh (%)							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Khác		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Khác		Chi đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Khác		Chi đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Khác				
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15	16=5/1	17=6/2	18=7/3	19=8/4	
	TỔNG SỐ	18.000,0	18.000,0	-	-	15.817,0	15.817,0	-	15.817,0	15.817,0	15.817,0	-	5.000,0	5.000,0	-	100,0	100,0	87,9	87,9	-	
I	Ngân sách cấp huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Ngân sách cấp xã	18.000,0	18.000,0	-	-	15.817,0	15.817,0	-	15.817,0	15.817,0	15.817,0	-	5.000,0	5.000,0	-	87,9	87,9	87,9	87,9	-	-
1	Xã Đông Xuyên	5.000,0	5.000,0			5.000,0	5.000,0		5.000,0	5.000,0	5.000,0		5.000,0	5.000,0		100,0	100,0	100,0	100,0		
2	Xã Kiến Quốc	4.000,0	4.000,0			3.817,0	3.817,0		3.817,0	3.817,0	3.817,0		3.817,0	3.817,0		95,4	95,4	95,4	95,4		
3	Xã Vạn Phúc	3.000,0	3.000,0			3.000,0	3.000,0		3.000,0	3.000,0	3.000,0		3.000,0	3.000,0		100,0	100,0	100,0	100,0		
4	Xã Văn Hội	2.000,0	2.000,0			2.000,0	2.000,0		2.000,0	2.000,0	2.000,0		2.000,0	2.000,0		100,0	100,0	100,0	100,0		
5	Xã Hồng Đức	2.000,0	2.000,0			2.000,0	2.000,0		2.000,0	2.000,0	2.000,0		2.000,0	2.000,0		100,0	100,0	100,0	100,0		
6	Xã Hồng Dự	2.000,0	2.000,0			-	-		-	-	-		-	-		-	-	-	-		

12/3

**THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Đính kèm QĐ số 199/QĐ-UBND ngày 04/ 8/ 2023 của UBND huyện Ninh Giang)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Giang về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi ngân sách địa phương năm 2022 huyện Ninh Giang;

Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang báo cáo thuyết minh tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NSNN NĂM 2022

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 555.635 triệu đồng đạt 153,5% kế hoạch huyện giao.

(Chi tiết tại biểu số 97/CK-NSNN đính kèm)

II. Thu ngân sách địa phương

- Tổng thu: 1.264.541,3 triệu đồng đạt 159,7% kế hoạch huyện giao.
Trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương được hưởng: 382.392,6 triệu đồng.

(Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ phần trăm: 361.094 triệu đồng)

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 783.792,1 triệu đồng.

Trong đó: - Thu bổ sung cân đối: 504.377 triệu đồng;

- Thu bổ sung có mục tiêu: 279.415,1 triệu đồng.

+ Thu kết dư ngân sách: 410 triệu đồng.

+ Thu chuyển nguồn: 97.946,6 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 96/CK-NSNN đính kèm)

III. Chi ngân sách địa phương

- Tổng chi ngân sách địa phương: 1.259.670,8 triệu đồng đạt 159,1% kế hoạch huyện giao. Trong đó:

1. Chi ngân sách cấp huyện: 888.428,6 triệu đồng

- Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện: 477.454,4 triệu đồng;

- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 229.270,5 triệu đồng;

- Chi ngân sách cấp trên bổ sung: 63.796,5 triệu đồng;

- Chi chuyển nguồn năm sau: 110.361,7 triệu đồng;

- Các khoản ghi thu, ghi chi: 2.515 triệu đồng;

- Nộp ngân sách cấp trên: 5.030,5 triệu đồng.

2. Chi ngân sách xã: 371.242,2 triệu đồng

- Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã: 353.435,8 triệu đồng;

- Chi chuyển nguồn năm sau: 17.806,4 triệu đồng;

(Chi tiết tại biểu số 98/CK-NSNN đính kèm)

IV. Cân đối ngân sách địa phương

- Tổng thu ngân sách địa phương: 1.264.541,2 triệu đồng;

- Tổng chi ngân sách địa phương: 1.259.670,8 triệu đồng;

- Kết dư ngân sách: 4.870,5 triệu đồng;

+ Kết dư ngân sách cấp huyện: 35,8 triệu đồng;

+ Kết dư ngân sách xã: 4.834,7 triệu đồng.

Chuyển số dư ngân sách: 4.870,5 triệu đồng sang năm ngân sách 2023.

(Chi tiết tại biểu số 96/CK-NSNN đính kèm)

Công tác thu, chi ngân sách cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách. Trong quá trình tổng hợp Sở Tài chính Hải Dương đã kiểm tra, giám sát chỉ đạo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

B. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC NGÂN SÁCH NĂM 2022

1. Ưu điểm

1.1. Về thu ngân sách địa phương

- Hoàn thành 11/11 nội dung thu, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 555.635 triệu đồng bằng 212,1% so với kế hoạch tỉnh giao và bằng 153,5 % so với kế hoạch huyện giao. Một số nội dung thu đạt tỷ lệ cao như: Thuế thu nhập cá nhân đạt 315,8%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 296,4%; Thu tiền sử dụng đất đạt 184,3%; Thu hoa lợi công sản đạt 163,5%...so với kế hoạch huyện giao.

- Công tác thu ngân sách được triển khai ngay từ đầu năm, đồng bộ, chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, tận dụng nguồn thu để tăng thu cho NSNN.

- Thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch trong quản lý ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14.

1.2. Về chi ngân sách địa phương

- Việc kiểm soát chi có nhiều đổi mới, tổ chức chặt chẽ, kịp thời, khoa học, cơ bản đảm bảo các quy định của luật ngân sách, kỷ luật tài chính trong quản lý chi ngân sách.

- Hoàn thành kế hoạch chi thường xuyên ngân sách địa phương cho tất cả các nội dung và tất cả các chỉ tiêu năm 2022 không còn nợ lương, sinh hoạt phí.

- Các cơ quan, địa phương đã chủ động được nguồn, chi đúng, chi đủ, chi kịp thời cho các cá nhân và tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước.

2. Tồn tại

2.1. Đối với cấp huyện

- Một số cơ quan, đơn vị vẫn còn kinh phí chuyên nguồn. Việc thực hiện, chấp hành Luật ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019 đối với một số cơ quan, đơn vị còn một số hạn chế.

- Việc triển khai và tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản chưa kịp thời, còn chậm ảnh hưởng đến công tác giải ngân. Sự phối kết hợp giữa các phòng, ban liên quan và chủ đầu tư trong công tác tham mưu cho lãnh đạo huyện và trong tổ chức triển khai thực hiện còn chưa chủ động, kịp thời.

- Công tác quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Ninh Giang, việc thực hiện quy hoạch một số dự án, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng các điểm dân cư đầu giá quyền sử dụng đất còn chậm và phát sinh một số khó khăn, vướng mắc chưa được giải quyết kịp thời, triệt để.

- Công tác phối kết hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác đôn đốc các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ về thuế có thời điểm còn chưa thường xuyên và thiếu quyết liệt.

2.2. Đối với cấp xã

- Việc thực hiện, chấp hành Luật ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019 tại một số địa phương còn một số hạn chế. Công tác tuyên truyền triển khai nhiệm vụ ngân sách ở một số địa phương chưa sâu rộng, thiếu tích cực, việc thực hiện các quy định công khai, dân chủ trong dự toán, quyết toán, công khai dự án của một số địa phương thực hiện chưa nghiêm.

- Công tác truy thu các khoản nợ khi thực hiện các hợp đồng kinh tế, nhất là thu ở nội dung hoa lợi công sản chưa tích cực, một số địa phương còn để nợ đọng kéo dài, chưa có giải pháp thu nợ triệt để.

- Thực hiện Luật Đầu tư công năm 2019 nhưng một số địa phương chưa chủ động được nguồn vốn XDCB cho công trình, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ, bố trí vốn cho công trình khởi công mới khi chưa thanh toán hết nợ đọng XDCB. Tiến độ xây dựng và giải ngân của một số công trình còn chậm.

- Công tác theo dõi, bố trí thanh toán vốn đầu tư cấp xã còn một số bất cập, còn để tình trạng phải điều chỉnh nguồn vốn; vẫn còn nguồn kết dư. Nợ xây dựng cơ bản đến 31/12/2022 gồm 20/20 xã còn nợ, tổng số nợ 126.257,5 triệu đồng, giảm 23.291,5 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021 (149.549 triệu đồng).

3. Nguyên nhân kết quả đạt được

3.1. Nguyên nhân kết quả đạt được

- Có sự lãnh đạo, thường xuyên kịp thời của cấp ủy, sự giám sát chặt chẽ, thường xuyên, liên tục của Hội đồng nhân dân và cộng đồng dân cư, sự chỉ đạo điều hành tích cực của chính quyền 2 cấp.

- Các cơ quan của huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch và có những giải pháp tích cực, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong thu ngân sách và về công tác đầu tư, đặc biệt là việc trả nợ XDCB.

- Các xã, thị trấn đã linh hoạt hơn trong điều hành ngân sách và sử dụng nguồn vốn cơ bản đúng mục đích, đúng quy định.

3.2. Nguyên nhân tồn tại

- Nguyên nhân khách quan:

+ Do ảnh hưởng sau dịch Covid, suy thoái về kinh tế và tình hình chính trị thế giới có nhiều bất ổn. Thị trường bất động sản có dấu hiệu trầm lắng từ nửa cuối năm 2022. Việc điều chỉnh chính sách tài chính theo hướng thắt chặt chi tiêu, thực hiện tiết kiệm, khắc phục tình trạng nợ đọng trong XDCB do vậy việc đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên và công tác đầu tư, XDCB của các địa phương gặp một số khó khăn.

+ Thực hiện Luật đầu tư công năm 2019; Luật Xây dựng 2014 và Luật số 62/2020/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng đối với các địa phương trong quá trình triển khai, thực hiện còn gặp một số vướng mắc. Tỷ lệ phân chia tiền đấu giá quyền sử dụng đất của xã được hưởng rất thấp chưa đáp ứng được nhu cầu về vốn cho đầu tư XDCB, đặc biệt là các xã phấn đấu về đích NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Việc điều hành của cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn trong công tác quản lý thu, chi ngân sách có lúc chưa sâu sát, kiên quyết. Việc giám sát, phản biện xã hội của các cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư của các địa phương hiệu quả chưa cao.

+ Vai trò, trách nhiệm tham mưu của cơ quan chuyên môn nhất là cấp xã và các đơn vị sử dụng ngân sách cho Lãnh đạo trong công tác quản lý thu chi ngân sách và đầu tư công còn một số hạn chế, chất lượng tham mưu chưa cao.

+ Năng lực, nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn về tài chính, kế toán ở cả 2 cấp huyện, xã trong thực hiện nhiệm vụ được giao còn hạn chế, thiếu tích cực, đặc biệt ở lĩnh vực liên quan đến quản lý ngân sách và đầu tư xây dựng ở cấp xã.
